

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: **83/2018/HS-ST**
Ngày 27-11-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Chí**
Ông **Nguyễn Hiếu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Cao Thị Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn T - sinh năm: 198 ; tại Nha Trang, Khánh Hòa. Nơi cư trú: đường Đ, phường L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N T, sinh năm 196 và bà Huỳnh K T, sinh năm 197 ; có vợ Phan N T và 02 con, lớn sinh năm 201 , nhỏ sinh năm 201 ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 31/8/2018; bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Phạm Q, sinh năm 198

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Ông Phạm H, sinh năm 198

Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn T1, sinh năm 198

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Krong Băk, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Ông Lương D, sinh năm: 198

Địa chỉ: đường T, phường L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Hoàng T2, sinh năm 199

Địa chỉ: đường T, phường L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn H, sinh năm 200

Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn T3, sinh năm 195

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

4. Bà Lê H, sinh năm 196

Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác mà không bị phát hiện, Nguyễn T dùng chứng minh nhân dân nhật được mang tên Nguyễn T1 rồi gỡ hình gốc và dán hình mình vào đi đến các cửa hàng cho thuê xe trên địa bàn thị xã Ninh Hòa để lừa đảo.

Thực hiện ý định đó, khoảng 16 giờ ngày 14/01/2018, T đến cửa hàng xe máy D ở tổ dân phố S, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa do ông Phạm H làm chủ rồi dùng chứng minh nhân dân trên để làm thủ tục thuê xe. Ông H thấy hình ảnh trên chứng minh nhân dân là T nên làm hợp đồng cho thuê xe mô tô biển số 79N1-86.351. Sau khi thuê được xe, T điều khiển về nhà mình ở đường Đ, phường L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để cất xe, sau đó gửi xe ô tô khách vận chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh tìm nơi tiêu thụ nhưng do thiếu tiền tiêu xài nên T đã thế chấp xe trên cho một người tên Th (không rõ nhân thân, lai lịch) lấy 5.000.000 đồng.

Qua điều tra, T còn khai nhận cũng với thủ đoạn trên, sau khi chiếm đoạt xe mô tô biển số 79N1-86.351 thì T quay lại Ninh Hòa tiếp tục sử dụng chứng minh nhân dân trên đến cửa hàng xe máy L tổ dân phố C, phường G, thị xã Ninh Hòa do ông Phạm Q làm chủ để làm hợp đồng thuê xe mô tô biển số 79H1-35.685 rồi điều khiển xe vào Nha Trang tìm nơi tiêu thụ. Để tránh bị phát hiện, T tháo bỏ biển số xe mô tô này rồi gắn biển số 79T1-1763 nhật được trước đó thay vào biển số 79H1-35.685, cũng do thiếu tiền tiêu xài nên T mượn của ông Lương D ở Nha Trang, Khánh Hòa 3.000.000 đồng và gửi lại xe này để làm tin. Khi biết xe mô tô do phạm tội mà có, ông D đưa xe cho em gái T là Hoàng T2 giao nộp cho cơ quan công an. Sau khi chiếm đoạt tài sản T bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 31/8/2018 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG ngày 21/4/2018 và số 43/KL-HĐĐG ngày 06/6/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Ninh Hòa thì xe mô tô biển số 79N1-86.351 trị giá 20.700.000 đồng và xe mô tô biển số 79H1-35.685 trị giá 16.450.000 đồng.

Tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn T mức án từ 18 – 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị cáo tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của bị hại Phạm H tổng cộng số tiền 26.900.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại, bao gồm các khoản sau:

- Xe mô tô biển số 79N1-86.351 trị giá 20.700.000đ;
- 01 thiết bị định vị gắn trên xe mô tô trị giá 1.700.000đ;
- Tiền thuê xe: 150.000đ/ngày x 30 ngày = 4.500.000đ.

+ Bị hại ông Phạm Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Nguyễn T1, ông Lương D vắng mặt nên đề nghị tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Về vật chứng vụ án:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 79H1-356.85 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- 01 (Một) biển số xe 79H1-356.85 Nguyễn T đã tháo bỏ không xác định được địa điểm nên không thu hồi được.

- 01 biển số xe 79T1-1763 không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Nguyễn T không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo T nói lời sau cùng trước khi nghị án: “*Bị cáo hối hận xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có cơ hội để sửa sai*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Tại phiên tòa, việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai người làm chứng. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Nguyễn T dùng chứng minh nhân dân nhật được mang tên Nguyễn T1 rồi gỡ hình gốc và dán hình mình vào đi đến các cửa hàng cho thuê xe trên địa bàn thị xã Ninh Hòa để thực hiện ý định, cụ thể các lần như sau: Khoảng

16 giờ ngày 14/01/2018, T đến cửa hàng xe máy D ở tổ dân phố S, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa do ông Phạm H làm chủ rồi dùng chứng minh nhân dân trên để làm thủ tục thuê xe. Ông H thấy hình ảnh trên chứng minh nhân dân là T nên làm hợp đồng cho thuê xe mô tô biển số 79N1-86.351. Sau khi thuê được xe, T điều khiển về nhà mình ở đường Đ, phường L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để cất xe, sau đó gửi xe ô tô khách vận chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh tìm nơi tiêu thụ nhưng do thiếu tiền tiêu xài nên Trịnh đã thế chấp xe trên cho một người tên Th (không rõ nhân thân, lai lịch) lấy 5.000.000 đồng.

Vào cùng ngày T quay lại Ninh Hòa tiếp tục sử dụng chứng minh nhân dân trên đến cửa hàng xe máy L tổ dân phố C, phường G, thị xã Ninh Hòa do ông Phạm Q làm chủ để làm hợp đồng thuê xe mô tô biển số 79H1-35.685 rồi điều khiển vào Nha Trang tìm nơi tiêu thụ. Để tránh bị phát hiện, T tháo bỏ biển số xe mô tô này rồi gắn biển số 79T1-1763 nhặt được trước đó thay vào biển số 79H1-35.685, cũng do thiếu tiền tiêu xài nên T mượn của ông Lương D ở Nha Trang, Khánh Hòa 3.000.000 đồng và gửi lại xe này để làm tin. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tác động xấu đến tình hình trật tự an toàn tại địa phương và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối nhằm tạo lòng tin để lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị tổng cộng 02 xe mô tô là 37.150.000đ. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra. Bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 lần nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo Nguyễn T mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung, cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng dân cư một thời gian nhất định để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật.

[2.3] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; 01 xe mô tô đã trả lại cho chủ sở hữu; giá trị xe còn lại bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; có 02 con còn nhỏ nên cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo sớm trở thành người có ích cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại Phạm H số tiền 26.900.000đ (bao gồm các khoản: Xe mô tô 79N1-86.351 trị giá 20.700.000đ + thiết bị định vị trị giá 1.700.000đ + tiền thuê xe 4.500.000đ) Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

+ Bị hại ông Phạm Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1, ông Lương D vắng mặt nên tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về vật chứng vụ án:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 79H1-356.85 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 (Một) biển số xe 79H1-356.85 Nguyễn T đã tháo bỏ không xác định được địa điểm không thu hồi được.

- 01 biển số xe 79T1-1763 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo Nguyễn T đối với bị hại Phạm H số tiền 26.900.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại thành vụ kiện dân sự khác khi bị hại ông Phạm Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1, ông Lương D có đơn yêu cầu.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 biển số xe 79T1-1763 không còn giá trị sử dụng (có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Ninh Hòa và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa ngày 16/11/2018).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.345.000đ (Một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định chung: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm chậm trả.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Ninh Hòa;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thùy My